

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nữ;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân là Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 306/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Thôn 1, xã L, thành phố B, tỉnh L. Ở: Phòng 312, chung cư T, đường HT2A, khu 3, phường H, thành phố T, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Chiềng Nhịt S, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Số 5, đường N16, khu 1, phường P, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/11/2021 và tại bản tự khai ngày 07/12/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Chiềng Nhịt S là vợ chồng, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, ngày 26/9/2007. Vợ chồng chung sống nhưng luôn bất

đồng quan điểm, do tính tình không hợp nhau, anh S không lo làm ăn mà còn sử dụng ma túy nên không quan tâm chăm sóc vợ con, những lúc vợ chồng cãi nhau anh S hay bỏ nhà đi. Có thời gian anh S bị bắt đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện huyện L, tỉnh L từ tháng 11/2009 đến tháng 11/2011 mới được trả về. Sau thời gian cai nghiện về lại với gia đình, anh S vẫn không chí thú làm ăn, công việc làm không ổn định mà chỉ muốn sống hưởng thụ. Mặc dù vợ chồng không xảy ra đánh nhau nhưng anh S luôn cho rằng chị H quen người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau và mất dần tình cảm. Vì tính tình cố chấp, chị H khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi, hiện tại anh S vẫn không chịu đi làm, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Chiếng Thị Thu N, sinh ngày 08/01/2006 và Chiếng Vĩ K, sinh ngày 18/8/2009. Hiện tại cả hai con đều đang sống cùng chị H và hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị H hiện tại có công việc ổn định với mức thu nhập 29.760.000 đồng/tháng. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Chiếng Nhịt S: Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 31/12/2021; tham gia phiên tòa vào các ngày 28/02/2022 và 25/3/2022 nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Đồng thời, anh S cũng không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Ngày 18/5/2021, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị H và anh Chiếng Nhịt S tại địa phương và được bà Nguyễn Thị H là cán bộ khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh B cung cấp: Quá trình chị Nguyễn Thị H và anh Chiếng Nhịt S sinh sống tại địa phương, chính quyền không ghi nhận anh, chị có mâu thuẫn vì chị H, anh S không khai báo và cũng không có đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm. Về

mặt nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Chiềng Nhịt S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Chiềng Nhịt S Toà án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà vào các ngày 28/02/2022 và 25/3/2022 nhưng anh Sáng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh S theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Chiềng Nhịt S là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Định Q, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111, ngày 26/9/2007 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị H trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh S không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, nhiều lần anh S sử dụng ma túy nhưng chị H khuyên can mà anh S không bỏ, vợ chồng không tin tưởng nhau vì anh S nghi ngờ chị H quen người đàn ông khác nên vợ chồng dần mất đi tình cảm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, chị H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh S.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện việc vợ chồng chị H, anh S có mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ, vì vợ chồng chị H, anh S không trình báo địa phương về vấn đề mâu thuẫn gia đình. Xét thấy, chị H và anh S không còn sống chung với nhau cho thấy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, anh Sáng vắng mặt không có lý do, chị H còn làm đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành đối chất, hòa giải cho thấy cả chị H, anh S không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa chị H, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Chiềng Nhịt S có 02 con chung là Chiềng Thị Thu N, sinh ngày 08/01/2006 và Chiềng Vĩ K, sinh ngày 18/8/2009. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Quá trình Tòa án làm việc với hai cháu Chiềng Thị Thu N và Chiềng Kỳ V đều có

nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị H cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Giấy xác nhận lương của Công ty TNHH Z có địa chỉ tại số 20A, đường số 6, khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh B xác nhận chị Nguyễn Thị H đang làm việc tại bộ phận nhân sự của công ty với hợp đồng lao động không xác định thời hạn với mức lương chính trung bình 06 tháng từ tháng 06/2021 đến tháng 11/2021 là 29.760.000 đồng/tháng. Căn cứ vào nguyện vọng của các con của chị H và anh S đều có mong muốn được sống cùng mẹ và chị H cũng đảm bảo đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng các cháu. Do vậy, cần giao hai cháu Chiềng Thị Thư N và Chiềng Kỳ V cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59; Điều 81 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đối với bị đơn anh Chiềng Nhịt S về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Chiềng Nhịt S.

1.2. Về con chung: Giao cháu Chiềng Thị Thư N, sinh ngày 08/01/2006 và cháu Chiềng Kỳ V, sinh ngày 18/8/2009 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị H không có quyền cản trở. Trường hợp anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H thì chị có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên, khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000614 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Nguyệt Ánh